TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **125**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 23 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 381/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Phan T**, sinh năm 1988; căn cước công dân số: 046088015262, cấp ngày 10/8/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Số I quốc lộ D Cự L, phường T, thành phố Huế.

2. **Chị Nguyễn Thị Mai L**, sinh năm 1989; căn cước công dân số: 046189008086, cấp ngày 05/12/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Số I quốc lộ D Cự L, phường T, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan T và chị Nguyễn Thị Mai L đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/02/2016 nên quan hệ hôn nhân của T và chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 09 năm, đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tiếng nói chung nên không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 03 năm 2025 cho đến nay. Nay anh T và chị L đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau nên anh chị yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị L không thể hàn gắn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn

nhân và gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Phan T và chị Nguyễn Thị Mai L.

[2] Về con chung: Anh T và chị L xác nhận có 01 con chung là Phan Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 05/4/2019.

Anh T và chị L thỏa thuận giao con chung Phan Nguyễn Ngọc T1 cho anh Phan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Mai L không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thỏa thuận của anh T và chị L là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T và chị L xác nhận không có.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan T và chị Nguyễn Thị Mai L thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0001255 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh T và chị L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan T và chị Nguyễn Thị Mai L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Phan Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 05/4/2019 cho anh Phan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Mai L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T và chị L xác nhận không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan T và chị Nguyễn Thị Mai L thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0001255 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh T và chị L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- TAND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Thuận An (ĐKKH số 18 ngày 25/02/2026 tại UBND xã Phú Hải cũ);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình